

Số: /KH-PGDĐT

Đồng Xoài, ngày tháng 7 năm 2022

KẾ HOẠCH

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Đồng Xoài

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” (Quyết định số 131/QĐ-TTg);

Căn cứ Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Kế hoạch số 312/KH-UBND);

Căn cứ Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn Tỉnh,

Căn cứ Kế hoạch số 1692/KH-SGDĐT ngày 20/6/2022 của Sở GD&ĐT tỉnh Bình Phước về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

Phòng GD&ĐT thành phố Đồng Xoài ban hành Kế hoạch thực hiện Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Đồng Xoài, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số, tạo đột phá trong đổi mới hoạt động giáo dục và đào tạo (GD&ĐT); đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực GD&ĐT; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục.

b. Hoàn thiện thể chế trên cơ sở các mô hình trường học thông minh và phát triển nền tảng số, tài nguyên giáo dục sử dụng chung.

2. Yêu cầu

a. Việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch phải bám sát Kế hoạch số 312/KH-

UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 1692/KH-SGDĐT ngày 20/6/2022 của Sở GD&ĐT tỉnh Bình Phước về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

b. Chuyển đổi số trong GD&ĐT phải được thiết kế đồng bộ, bao quát, có hệ thống trong tổng thể Chương trình chuyển đổi số quốc gia; được triển khai từng bước có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao trong từng giai đoạn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn thành phố Đồng Xoài.

2. Mục tiêu đến năm 2025

a. Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hằng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 50% học sinh và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến:

- + 100% các trường Tiểu học, THCS thực thuộc khai thác, sử dụng, quản lý hiệu quả trang LMS để tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá trực tuyến; triển khai hồ sơ giáo án điện tử; Phát triển giáo dục STEAM.

- + Hình thành kho học liệu số dùng chung toàn ngành, gồm: bài giảng, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác.

- + 100% đơn vị có hệ thống mạng LAN, Internet, WAN đảm bảo đường truyền phục vụ tốt cho việc dạy và học.

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến: Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến theo tỷ lệ quy định chung của tỉnh (20% ở cấp tiểu học, 50% ở cấp trung học).

b. Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục

- Về quản trị nhà trường: 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

- 100% đơn vị sử dụng học bạ điện tử, thực hiện chữ ký số trong giáo dục.
- Thực hiện thanh toán học phí không dùng tiền mặt, ít nhất 90% CMHS thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt để đóng các khoản thu trong nhà trường.
- Thực hiện tuyển sinh đầu cấp bằng hình thức trực tuyến; Tỷ lệ phụ huynh đăng ký xét tuyển qua mạng đạt 95%.
- + 100% các cơ quan quản lý GD&ĐT, các cơ sở GD&ĐT thực hiện quản lý hành chính, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng. 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tối thiểu mức độ 4.
- Về quản lý giáo dục:
 - + Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy, kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia.
 - + Xây dựng website của ngành GD&ĐT và các trường học, liên kết website của các nhà trường với website phòng GD&ĐT và website phòng GD&ĐT với website của thành phố và website Sở Giáo dục và Đào tạo, cập nhật công khai tất cả các thông tin, hoạt động, báo cáo của ngành GD&ĐT lên website.
 - + Số hóa 100% chế độ báo cáo các lĩnh vực, nhiệm vụ do phòng quản lý.
- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân:
 - + 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán).
 - + Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 60%.

3. Mục tiêu đến năm 2030

- Sử dụng một nền tảng dạy và học trực tuyến tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông;
- 100% đơn vị triển khai hệ thống thông tin điều hành Trường học thông minh.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GD&ĐT

a. Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GD&ĐT; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy, học và làm việc trên môi trường số. Xây dựng hệ thống mạng LAN, Internet, WAN đảm bảo đường truyền phục vụ tốt cho việc dạy và học; có chính sách hỗ trợ dịch vụ internet cho người học và đội ngũ giáo viên; có chính sách máy tính phù hợp cho học sinh, phát triển chương trình “Sóng và máy tính cho em”.

b. Hình thành, phát triển hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm, thực hành (Lab) hiện đại.

c. Thúc đẩy việc nghiên cứu, sáng tạo và thử nghiệm các công nghệ số trong giáo dục; Biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong chuyển đổi số ngành giáo dục.

2. Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

a. Đổi mới mô hình dạy, học

- Triển khai và thí điểm các mô hình dạy, học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông của thành phố.

- Khuyến khích giáo viên đổi mới, sáng tạo trong phương pháp giảng dạy.

b. Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung

- Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo dục, gồm bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thư viện điện tử trong các cơ sở giáo dục phổ thông; công thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu với các cơ sở giáo dục.

- Xây dựng nền tảng chia sẻ thông tin học tập, thông tin giáo dục dựa trên nền tảng mạng xã hội.

3. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý GD&ĐT và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

a. Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng giúp ứng dụng hiệu quả công nghệ số.

- Triển khai Cổng dịch vụ công trực tuyến (tích hợp Hệ thống thông tin một cửa điện tử) với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Cổng dịch vụ công của tỉnh; mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4;

b. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý GD&ĐT

- Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Phát triển, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về giáo dục, ứng dụng các công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) trong việc xây dựng, lưu trữ dữ liệu chuyên ngành.

- Xây dựng phát triển nền tảng dữ liệu mở về giáo dục, thu thập dữ liệu kết hợp với dữ liệu chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu khác, hướng tới hình thành hệ thống dữ liệu mở trong ngành giáo dục và đào tạo và mạng thông tin giáo dục quốc gia.

c. Phát triển các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới 100% cơ sở giáo dục nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành giáo dục;

- Phát triển các nền tảng siêu ứng dụng di động trong việc cung cấp các dịch vụ giáo dục, hướng tới mạng xã hội dịch vụ giáo dục, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình.

- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

- Tiếp tục triển khai chữ ký số đến cán bộ quản lý, giáo viên trong ngành giáo dục và đào tạo.

d. Xây dựng môi trường số kết nối

- Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục kết nối với trực tích hợp, liên thông dữ liệu quốc gia; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục theo chỉ đạo của Bộ GD&ĐT.

4. Tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính phủ điện tử (HCI)

a. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong GD&ĐT đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học trong ngành giáo dục và xã hội;

b. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

c. Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM), phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

5. Huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GD&ĐT

a. Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức và hiệp hội về CNTT

trong và ngoài nước để giới thiệu các giải pháp công nghệ tiên tiến về công nghệ giáo dục và chuyển đổi số áp dụng trong lĩnh vực GD&ĐT. Phối hợp với doanh nghiệp CNTT phát triển các ứng dụng giáo dục trên các thiết bị cầm tay, thiết bị di động để người dân có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ giáo dục ở mọi lúc, mọi nơi.

b. Thu hút nguồn vốn của doanh nghiệp thông qua hình thức đối tác công tư (PPP) để đầu tư xây dựng các nền tảng số và ứng dụng CNTT trong GD&ĐT; ưu tiên cho phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

c. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất, phân phối trang thiết bị số để hỗ trợ, ưu đãi cung cấp sản phẩm CNTT cơ bản (máy tính, máy tính xách tay, máy tính bảng) tích hợp các phần mềm ứng dụng và tính năng an toàn, bảo mật cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học phục vụ hoạt động dạy, học trong các nhà trường.

d. Đẩy mạnh ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ thanh toán trên thiết bị di động, như: thanh toán qua QR code, mã hóa thông tin thẻ (Tokenization), thanh toán di động (Mobile Payment), thanh toán phi tiếp xúc (Contactless), ví điện tử.

6. Đề xuất chính sách thúc đẩy chuyển đổi số

a. Rà soát và kiến nghị ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định về chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục; quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục; quy định về năng lực số của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học;

b. Rà soát và kiến nghị ban hành các quy định kỹ thuật về dữ liệu; hướng dẫn kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị, cơ quan trong ngành giáo dục và ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; hướng dẫn kết nối kỹ thuật triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục; tiêu chí kỹ thuật của các nền tảng số dùng trong ngành giáo dục;

c. Kiến nghị ban hành chính sách thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo, các mô hình giáo dục và đào tạo mới dựa trên nền tảng và công nghệ số; chính sách huy động sự tham gia và đóng góp nguồn lực của các tổ chức, cá nhân và chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài cho chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo;

d. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Bảo đảm tiết kiệm, minh bạch, đúng pháp luật, chống tiêu cực, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn lực huy động hợp pháp khác.

2. Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển được cân đối hằng năm

chi cho ngành theo quy định để thực hiện các chương trình, dự án nhằm triển khai Kế hoạch; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các đơn vị thuộc đối tượng tham gia Kế hoạch.

3. Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ”.

4. Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đối tác công tư, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

V. LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI

1. Năm 2022

- Tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính phủ điện tử (HCI).

- Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

- Đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách.

- Huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

2. Giai đoạn 2023 - 2025

- Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.

- Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

- Tiếp tục triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính phủ điện tử (HCI); huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ phận chuyên môn phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố

- Là cơ quan đầu mối chủ trì thực hiện Kế hoạch, có trách nhiệm phối hợp cùng với phòng ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

- Chủ trì xây dựng Kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí hằng năm gửi phòng Tài chính – Kế hoạch thẩm định trình UBND thành phố quyết định. Thanh quyết

toán kinh phí thực hiện theo đúng quy định.

- Định kỳ kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND thành phố, sở GD&ĐT tỉnh và Bộ GD&ĐT; tổng kết tình hình thực hiện vào năm kết thúc Kế hoạch.

- Tiếp nhận các kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc cần đề nghị UBND thành phố sửa đổi, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của thành phố, của Tỉnh và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Đồng thời phát hiện những ý tưởng, giải pháp đổi mới, sáng tạo để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban, ngành liên quan để tổ chức, triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm mục tiêu, thời gian, lộ trình đã xác định.

- Chủ động phối hợp các doanh nghiệp CNTT trên địa bàn hỗ trợ, có chính sách ưu đãi đối với chuyển đổi số phục vụ cho hoạt động GD&ĐT thành phố; triển khai chữ ký số, chứng thực điện tử, các chuẩn trao đổi dữ liệu số.

- Thành lập Tổ CNTT theo từng cấp, trong đó thành phần là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cán bộ, giáo viên có chuyên môn công nghệ thông tin hoặc phụ trách về lĩnh vực công nghệ thông tin.

2. Các trường trực thuộc

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này, phối hợp với phòng GD&ĐT thực hiện phát triển Chính phủ điện tử, chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị. Cụ thể hóa nội dung trong kế hoạch của đơn vị để triển khai thực hiện Kế hoạch trong phạm vi, quyền hạn được giao.

- Cử cán bộ, giáo viên có chuyên môn công nghệ thông tin hoặc phụ trách về lĩnh vực công nghệ thông tin tham gia Tổ CNTT do chuyên viên cùng cấp phụ trách.

- Hằng năm, tổ chức tự kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, tổ chức đánh giá sơ kết và tổng kết theo hướng dẫn của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố, để tổng hợp báo cáo UBND thành phố, Sở GD&ĐT tỉnh và Bộ GD&ĐT

Trên đây là Kế hoạch Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GD&ĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Đồng Xoài, Phòng GD&ĐT đề nghị Hiệu trưởng các trường chủ động triển khai thực hiện đảm bảo yêu cầu theo chức năng, nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- Các trường MN, TH, THCS trực thuộc;
- Lãnh đạo, chuyên viên PGDĐT;
- Website: dongxoai.edu.vn;
- Lưu VT.

TRƯỞNG PHÒNG